TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 13/2017/HS-ST.
Ngày: 30/6/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S -TỈNH KONTUM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Thiều Thị Dũng**
- Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Đỗ Thị Hải Lý**
2/ Ông **Phạm Thanh Luyến**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Đỗ Thị Hương**- Cán bộ Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Anh Nghĩa -** Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2017/HSST ngày 12/5/2017.

Đối với bị cáo*: B** *(Tên gọi khác: Không);** Sinh ngày: 05/6/1994 tại tỉnh Kon Tum; Quê quán: tỉnh T ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông K và bà T; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2017 đến nay- có mặt tại phiên toà.

* ***Người bị hại***: Chị **H**, sinh năm: 1990.

Trú tại: Thôn 2 thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

1. Chị **G,** sinh năm: 1988 (Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4 thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

2. Ông **K**, sinh năm: 1966. (Có mặt)

Trú tại: Thôn N, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3. Bà **T**, sinh năm 1969 (Có mặt)

Trú tại: Thôn N, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 05 tháng 11 năm 2015, B đi bộ từ trạm Thủy lợi thôn 3 thị trấn S tới ao cá BH thuộc thôn Y thị trấn S. Khi đi ngang qua phòng TC- KH huyện S B phát hiện trong nhà để xe có khoảng 5- 6 chiếc xe mô tô , thấy không có người trông giữ, B nảy sinh ý định trộm cắp, liền sau đó đi vào nhà để xe bằng cổng phụ nhằm quan sát các xe mô tô thì phát hiện chiếc xe mô tô BKS 82E1-01539 màu sơn trắng đen là xe số loại sirius, nhãn hiệu Yamaha, thấy chìa khóa xe vẫn còn nằm trong ổ khóa cốp, B rút chìa khóa tra vào ổ khóa điện và dắt xe ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển xe chạy về hướng chợ S, ra đường tỉnh lộ Y và đi về hướng thành phố K. Khi đi ngang qua đoạn đường vắng thuộc xã S, B liền dùng cờ lê 10 có sẵn trong túi khi đi làm thủy lợi tháo biển số xe ném vào bụi rậm ven đường rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về nhà mình ở thôn N, xã Y, thành phố K và cất giấu sau chuồng gà rồi đi ngủ. Sáng hôm sau khi mọi người đi làm hết, B điều khiển xe mô tô trộm cắp ra thành phố K mua sơn xịt về sơn lại xe thành màu đen sử dụng làm phương tiện đi lại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 19/KL-HĐĐG ngày 19/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: chiếc xe mô tô BKS 82E1-01539, nhãn hiệu Yamaha, loại sirius có giá trị còn lại là: 11.947.000đ (Mười một triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)

Tại bản cáo trạng số 11/KSĐT ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo B về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S giữ quyền công tố trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên tội danh, khung hình phạt như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo B từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 14/02/2017). Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án số 17/2017/HSST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố K, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án (được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam tại bản án trước là 80 ngày). Về trách nhiệm dân sự: các bên đương sự đã thỏa thuận bồi thường xong nên không đề cập đến nữa; Về xử lý vật chứng: Chiếc xe của người bị hại đã tuyên trả cho chủ sở hữu hợp pháp, biển số xe và cờ lê 10 không nhớ nơi cất giấu nên không có cơ sở truy tìm nên không xem xét nữa; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 20 giờ ngày 05/11/2015, tại phòng TC- KH thuộc thôn Y thị trấn S, B lợi dụng sự sơ hở

của chủ sở hữu tài sản đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô BKS 82E1-01539 màu sơn trắng đen là xe số loại sirius, nhãn hiệu Yamaha. Khi định dắt xe ra ngoài, phát hiện chìa khóa xe vẫn còn trong ổ khóa cốp, B rút chìa khóa tra vào ổ khóa điện và dắt xe ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển xe chạy theo đường tỉnh lộ 675 hướng về thành phố K. Khi ngang qua đoạn đường vắng thuộc xã S, bị cáo liền dùng cờ lê 10 tháo biển số xe ném vào bụi rậm ven đường rồi điều khiển xe về nhà ở thôn N, xã I, thành phố K và cất giấu sau chuồng gà rồi đi ngủ. Sáng hôm sau khi mọi người đi làm hết, B điều khiển xe mô tô trộm cắp ra thành phố K mua sơn xịt về sơn lại xe thành màu đen sử dụng làm phương tiện đi lại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 19/KL-HĐĐG ngày 19/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: chiếc xe mô tô BKS 82E1-01539, nhãn hiệu Yamaha, loại sirius có giá trị còn lại là: 11.947.000đ (Mười một triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hành vi của B phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng không tốt trong quần chúng nhân dân. Bị cáo cũng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn bất chấp pháp luật mà phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi do bị cáo gây ra để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo là thanh niên trưởng thành, trước thời điểm phạm tội là công nhân thủy lợi có thu nhập ổn định nhưng lại không chí thú làm ăn mà lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã trộm cắp xe mô tô với mục đích sử dụng làm phương tiện cá nhân. Sau khi trộm cắp xe của chị H vào ngày 05/11/2015, đến ngày 18/10/2016 bị cáo lại tiếp tục trộm cắp 01 xe mô tô khác tại phường D, thành phố K và đã bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 06 (Sáu) tháng tù giam. Như vậy, hành vi bị cáo trộm cắp xe của chị H xảy ra trước khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp xe theo bản án số 17/2017/HSST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố K nên bị cáo được coi là chưa có tiền án, tiền sự. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi do bị cáo gây ra buộc phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét: sau khi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo được Giám đốc Ban quản lý, khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống hạn, vụ Đông xuân 2015-2016; Hộ cha mẹ bị cáo có thành tích xuất sắc phong trào xây dựng đời sống văn hóa năm 2009. Nên coi đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố K tuyên xử phạt bị cáo B 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành hình phạt tù và được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 80 ngày. Hiện nay bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 17/3/2017 đã có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 17/3/2017 với hình phạt của bản án này để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án. Thời hạn chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 14/2/2017) và được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 80 ngày.

Đối với ông K và bà T có thấy bị cáo mang xe về và cũng từng sử dụng chiếc xe trộm cắp nhưng ông K và bà T không biết chiếc xe trên là do bị cáo B trộm cắp mà có nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông K và bà T.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo B và người bị hại chị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị G đã thỏa thuận bồi thường đầy đủ. Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến nữa.

- Đối với ông K và bà T là bố, mẹ của B đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên không đề cập đến nữa.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thể hiện chiếc xe bị cáo trộm cắp là của chị H mượn của chị ruột là G, sau đó có việc gia đình nên chị H về quê và đã nhất trí đề nghị cơ quan điều tra trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp là G. Sau khi thu giữ xe, cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại xe cho chị G là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến nữa.

- Đối với biển kiểm soát 82E1-01539 bị cáo B khai đã ném ở xã S nhưng không nhớ rõ vị trí nên không có cơ sở để tiến hành truy tìm. Đối với cờ lê 10 bị cáo không nhớ đã cất ở đâu nên không có cơ sở đề cập đến nữa.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo B phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo B 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố K với hình phạt tại bản án này (06 tháng tù), buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/02/2017). Được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trong bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố K là 80 (Tám mươi) ngày.

Căn cứ Điều **99** Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và mục I phần A Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 231; 234 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ***(30/6/2017)*** bị cáo B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T, ông K có quyền làm đơn kháng cáo gửi đến Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với chị H và chị G vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kon Tum.*;
- *VKS huyện S;*
- *Công an huyện S;*
- *Chi cục THADS huyện S;*
- *Bị cáo; Người bị hại; Người có QLNVLQ;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Thiều Thị Dũng